

Số: 219/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu
xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30/12/2016 của Bộ Tư pháp về quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; Thông tư 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 11/TTr-STP ngày 22/01/2020 và Tờ trình số 13/TTr-STP ngày 04/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các tổ chức có liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCTP tỉnh ủy;
- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh ;
- Lưu: VT, NC, Hạng30b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh

ĐỀ ÁN

**Xây dựng cơ sở dữ liệu xử lý
vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 219 /QĐ-UBND
ngày 05 /02/2020 của UBND tỉnh Sơn La)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết ban hành Đề án

Hiện tại toàn bộ dữ liệu và quy trình xử lý đang được thực hiện thủ công, lưu trữ trên các loại hình file điện tử như word, excel, pdf, văn bản giấy, dẫn đến khó khăn và mất thời gian trong công tác điều hành, xử lý và báo cáo.

Qua khảo sát thực tế về dữ liệu xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, bình quân hàng năm xử phạt gần 4.000 vụ việc.

Các dữ liệu đang phân tán ở từng đơn vị, công tác thu thập tổng hợp dữ liệu còn khó khăn và mất thời gian.

Từ hiện trạng trên việc xây dựng phần mềm là rất cần thiết nhằm theo dõi, quản lý việc xử phạt vi phạm hành chính của những người có thẩm quyền xử phạt thuộc các cơ quan nhà nước; theo dõi, nắm bắt số lượng, tính chất mức độ và xu hướng phổ biến của các hành vi vi phạm hành chính phục vụ cho việc xác định tái phạm vi phạm hành chính, phục vụ cho công tác truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006.

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/03/2016 của Chính phủ về Quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30/12/2016 của Bộ Tư pháp về quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng cơ

sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính tập trung, thống nhất trên địa bàn tỉnh có khả năng kết nối tới cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Số hóa số liệu các vụ việc vi phạm hành chính, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính là vô cùng quan trọng, bởi từ hệ thống này, các cơ quan quản lý nhà nước nói chung, cơ quan có trách nhiệm quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính sẽ có đủ các thông tin, dữ liệu tổng thể về xử lý vi phạm hành chính, đưa ra các chính sách, biện pháp quản lý nhà nước, quản lý xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

2. Mục tiêu cụ thể

Theo dõi, quản lý việc xử phạt vi phạm hành chính của những người có thẩm quyền xử phạt thuộc các cơ quan nhà nước; theo dõi, nắm bắt số lượng, tính chất mức độ và xu hướng phổ biến của các hành vi vi phạm hành chính phục vụ cho việc xác định tái phạm vi phạm hành chính, phục vụ cho công tác truy cứu trách nhiệm hình sự.

Là hệ thống dữ liệu thông tin được trích xuất, cập nhật từ các nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính tại các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

Cơ sở dữ liệu cũng sẽ phục vụ thiết thực cho công tác nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các văn bản quy định về xử lý vi phạm hành chính.

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Công nghệ kỹ thuật xây dựng phát triển phần mềm

Nhà nước đầu tư chi phí xây dựng Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu xử lý vi

phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La được thiết lập dựa trên cơ sở công nghệ web-base, hoạt động trên cả hai môi trường mạng cục bộ (LAN) và mạng Internet, được thiết lập theo kỹ thuật như sau:

- MS Windows Server 2012 trở lên : Hệ điều hành máy chủ.
- MS IIS 8.0 trở lên (*Microsoft InternetInformation Server*): Web server
- Công cụ lập trình: Microsoft .NET.
- Ngôn ngữ lập trình: C#.
- Hệ quản trị CSDL: Microsoft SQLServer phiên bản 2016 trở lên.
- Net framework 4 trở lên;

2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính

2.1. Thông tin về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính:

Trường hợp đối tượng vi phạm là cá nhân: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số chứng minh Công an nhân dân hoặc số chứng minh quân nhân hoặc số hộ chiếu (*nếu có*); giới tính.

Trường hợp đối tượng vi phạm là tổ chức: Tên tổ chức; địa chỉ trụ sở; mã số (*đối với doanh nghiệp*) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; số Giấy phép thành lập/số Đăng ký hoạt động (*đối với tổ chức khác*); họ và tên của người đại diện theo pháp luật hoặc chủ doanh nghiệp hoặc người đứng đầu tổ chức.

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Hành vi vi phạm; hình thức xử phạt, mức phạt; biện pháp khắc phục hậu quả (*nếu có*);

d) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; chức danh của người ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2.2. Thông tin về việc thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (*nếu có*):

a) Hoàn thi hành quyết định phạt tiền; tạm đình chỉ thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (*nếu có*);

b) Giảm, miễn tiền phạt; nộp tiền phạt nhiều lần (*số tiền đã nộp phạt, số tiền chưa nộp phạt (nếu có)*);

c) Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (*nếu có*);

d) Thời điểm chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

đ) Khiếu nại, khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (*nếu có*).

2.3. Thông tin về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính:

a) Họ và tên người vi phạm; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân

hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (*nếu có*); giới tính;

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Hành vi vi phạm;

d) Biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng;

đ) Thời hạn áp dụng;

e) Hoãn, miễn; giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

g) Thời điểm chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

h) Cơ quan hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

i) Khiếu nại, khởi kiện, kiến nghị, kháng nghị Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (*nếu có*).

2.4. Thông tin về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình:

a) Họ và tên người chưa thành niên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (*nếu có*); giới tính;

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

c) Lý do áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

d) Thời hạn áp dụng, ngày thi hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

đ) Tên tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát;

e) Thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (*nếu có*); lý do của việc chấm dứt; biện pháp xử lý tiếp theo;

g) Thời điểm chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

h) Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình; chức danh của người ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

i) Khiếu nại, khởi kiện Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (*nếu có*).

3. Các phân hệ chức năng cơ bản

3.1. Quản trị hệ thống

- Chức năng cho phép quản lý toàn bộ các thông tin cấu hình để hệ thống hoạt động ổn định và thông suốt.

- Cho phép cấp quyền, cấp tài khoản sử dụng thông tin, cấu hình sao lưu, khôi phục dữ liệu.

- Theo dõi, quản lý nhật ký của toàn hệ thống, nhật ký người sử dụng
- Cấp quyền cho từng đơn vị tham gia trong công tác xử lý vi phạm hành chính: Khi các đơn vị được cấp quyền (*Username và Password*) thì có thể cập nhật, chỉnh sửa thông tin, báo cáo, khai thác dữ liệu của chính đơn vị mình quản lý.

3.2. Quản trị danh mục

- Quản lý toàn bộ các danh mục dùng chung của hệ thống như: Danh mục đơn vị, phòng ban, chức vụ, tỉnh thành, địa bàn hành chính...

3.3. Quản lý dữ liệu xử lý vi phạm hành chính

- Hệ thống cung cấp công cụ quản lý toàn bộ dữ liệu của các quy trình xử lý vi phạm hành chính.
- Quản lý các Biên bản, quyết định xử phạt, dự thảo, các hồ sơ tài liệu liên quan đến vụ việc vi phạm hành chính.
- Quản lý các văn bản pháp lý liên quan.
- Cung cấp các công cụ cập nhật, xử lý dữ liệu.

3.4. Khai thác dữ liệu, báo cáo

- Hệ thống cung cấp công cụ khai thác dữ liệu mạnh mẽ, có thể tìm kiếm theo nhiều điều kiện từ đơn giản tới phức tạp, kết xuất dữ liệu phục vụ các mục tiêu khác nhau.
- Cung cấp các báo cáo theo quy định và các báo cáo đặc thù phục vụ yêu cầu quản lý, báo cáo của đơn vị

3.5. Tích hợp và chia sẻ dữ liệu

- Hệ thống cho phép tích hợp các dữ liệu từ các phần mềm chuyên ngành khác giúp dữ liệu được cập nhật nhanh chóng, chính xác, đảm bảo yêu cầu quản lý và khai thác.
- Kết nối tới Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, đảm bảo đúng theo yêu cầu của các quy định hiện hành.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý vi phạm hành chính

1.1. Sở Tư pháp thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh tiếp tục phổ biến, quán triệt Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn có liên quan, nhất là các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các cấp, các ngành, các đơn vị, tổ chức, người dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý vi phạm hành chính như: Chia sẻ, thống nhất thông tin, minh bạch trong công tác xử lý, tiết kiệm thời gian, chi phí...

1.2. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ thuộc Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các tổ chức có liên quan được tham gia sử dụng và

chia sẻ thông tin trên cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính; đồng thời tăng cường ngăn chặn những hành vi lợi dụng gây ảnh hưởng đến an ninh mạng Internet, vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động thông tin trên mạng Internet.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc quản lý xử lý vi phạm hành chính

2.1. Các hoạt động của phần mềm cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính phải tuân thủ quy định của Nhà nước về quản lý thông tin trên mạng Internet; các quy định khác của pháp luật có liên quan về công nghệ thông tin; Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng do UBND tỉnh ban hành.

2.2. Nâng cao trình độ tin học, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trực tiếp quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống:

Thường xuyên cử cán bộ theo dõi công tác này và các cán bộ nghiệp vụ đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp do các đơn vị liên quan tổ chức; đảm bảo 100% cán bộ liên quan được đào tạo, bồi dưỡng, ứng dụng công nghệ thông tin.

Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các tổ chức liên quan tổ chức tập huấn cho cán bộ thuộc đơn vị quản lý (*Người trực tiếp quản lý, vận hành*) và các cán bộ tại các đơn vị sử dụng.

3. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí cho việc cài đặt, vận hành phần mềm

Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các tổ chức có liên quan trong tỉnh chủ động rà soát, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai Phần mềm cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Năm 2020: Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và triển khai cập nhật dữ liệu xử lý vi phạm hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Năm 2021: Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và triển khai cập nhật dữ liệu xử lý vi phạm hành chính cấp xã.

3. Năm 2022 trở đi: Duy trì, cập nhật dữ liệu xử lý vi phạm hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ Tư pháp.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng mức đầu tư: 3.244.499.000 đồng (*Ba tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng*). Cụ thể:

1.1. Năm 2020: 1.697.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu đồng*), trong đó:

- Xây dựng phần mềm và triển khai cấp tỉnh, cấp huyện: 1.491.705.000 đồng.
- Chi phí tư vấn: 119.165.000 đồng.
- Chi phí vận hành máy chủ và thẩm định giá: 86.130.000 đồng.

1.2. Năm 2021: 1.261.499.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi một triệu*

bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn), trong đó:

- Nâng cấp phần mềm triển khai đến cấp xã: 1.121.830.000 đồng.
- Chi phí quản lý: 53.329.000 đồng.
- Chi phí tư vấn giám sát thi công: 59.309.000 đồng.
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 27.031.000 đồng.

1.3. Từ năm 2022 đến năm 2025 (04 năm): 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng), trong đó:

Chi phí duy trì máy chủ hàng năm: 71.500.000 đồng/1 năm.

1.4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án

TT	Nội dung công việc	Quý I, II, III/2020			Quý I, II, III/2021			Từ năm 2022 - 2025
1.	Lập đề cương và dự toán chi tiết, trình thẩm định phê duyệt.							
2.	Phê duyệt kế hoạch đầu thầu, lựa chọn nhà thầu.							
3.	Nhà thầu thực hiện các gói thầu giai đoạn 1.							
4.	Nghiệm thu, đưa vào sử dụng giai đoạn 1.							
5.	Nhà thầu thực hiện gói thầu giai đoạn 2.							
6.	Nghiệm thu, đưa vào sử dụng giai đoạn 2.							
7.	Duy trì hoạt động							

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước cấp.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2025.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Rà soát trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin tại Sở Tư pháp, các đơn vị liên quan, báo cáo UBND tỉnh đầu tư trang thiết bị phục vụ việc áp dụng phần mềm cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính.

- Trực tiếp quản lý đối với phần mềm cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính, phục vụ tốt cho công tác xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

- Tham mưu với UBND tỉnh ban hành Quy chế vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm cơ sở Dữ liệu xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Trong đó quy định rõ về quản lý, cung cấp, cập nhật thông tin, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý khai thác, sử dụng cơ sở Dữ liệu xử lý vi phạm hành chính.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và tổ chức có liên quan thực hiện chức năng thu thập, nhập và chia sẻ, quản lý dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và tổ chức có liên quan tham mưu với UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án này. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu với UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án này.

3. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu với UBND tỉnh cấp ngân sách bổ sung để triển khai thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh

Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện đến cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh.

Phối hợp với Sở Tư pháp chỉ đạo thực hiện sử dụng và khai thác hệ thống một cách có hiệu quả.

Trên đây là Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La. Yêu cầu các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố thực hiện./. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh